

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-ST

Ngày: 13/9/2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám

2. Ông Phan Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đoan Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2022/TLST -DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-DS ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh V, sinh năm: 1977.

Trú tại: Khối phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm: 1966

Trú tại: Tổ 3, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn D, sinh năm 1977.

Trú tại: Khối phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

(Bà V, ông D có mặt; ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Bà Phan Thị Minh V trình bày nội dung khởi kiện tại phiên tòa như sau: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm 1966, trú tại: Tổ 3, thôn K, xã B, huyện T là người cùng quê với chồng bà và là chỗ thân quen với vợ chồng bà. Vì là người thân quen nên ông Đ có vay của vợ chồng bà V 03 lần cụ thể: Lần 1 vào ngày 07/7/2019 ông Đ vay số tiền là 200.000.000 đồng; lần 2: Vào ngày 18/8/2019 vay số tiền là: 100.000.000 đồng; lần 3: Vào ngày 24/9/2019 vay số tiền là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng. Ông Đ thỏa thuận ngoài trả lãi 3% trên một tháng. Hẹn một năm sẽ trả hết số tiền vay nhưng không ghi vào giấy vay. Ông Đ đã trả lãi được 03 tháng sau đó thì ông Đ có nói với vợ chồng bà do làm ăn khó khăn và xin trả

lãi 01% trên tháng. Ông Đ trả lãi được 01 tháng thì không trả nữa. Vợ chồng bà đã đến nhà và liên lạc bằng điện thoại nhiều lần nhưng ông Đ không nghe máy, khi đến nhà thì ông Đ trốn tránh. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả lại số tiền vay 500.000.000 đồng cho vợ chồng bà và bà V không yêu cầu tính lãi.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn D trình bày: Ông là chồng của bà V, vợ chồng ông có cho Ông Trần Ngọc Đ vay tiền với số tiền là 500.000.000 đồng. Mặc dù ông không ký tên vào giấy vay nhưng đây là tiền chung của vợ chồng nên ông thống nhất như yêu cầu của bà V. Đề nghị Tòa án buộc ông Đ trả đủ số tiền vay gốc cho vợ chồng ông và ông thống nhất không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn, Ông Trần Ngọc Đ đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp cho gia đình, niêm yết và gửi bảo đảm theo đường bưu điện cho ông Đ các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông Đ không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt không đến tham dự các phiên tòa.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định việc bà V có cho ông Đ vay tiền là có thật. Trong quá trình hòa giải cũng như qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nhiều lần. Căn cứ các tài liệu, có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Minh V buộc Ông Trần Ngọc Đ phải trả cho vợ chồng bà V ông D số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà V, ông D không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án Bà Phan Thị Minh V và Ông Nguyễn D yêu cầu Ông Trần Ngọc Đ trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay gốc chưa trả là 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn Ông Trần Ngọc Đ đăng ký nhân khẩu tại: Tổ 3, Kề Xuyên 2, xã B, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Ông Trần Ngọc Đ đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp tại gia đình và trụ sở UBND xã B và gửi qua bưu điện các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn

phiên tòa nhưng ông Đ vẫn không đến. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và các căn cứ xem xét đánh giá:

Bà Phan Thị Minh V khởi kiện yêu cầu Ông Trần Ngọc Đ phải trả số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và bà V, ông Đ không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình vay các bên có ghi giấy vay nợ và có ký tên ghi họ tên. Nguyên đơn bà V đã cung cấp giấy vay nợ gốc cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Trần Ngọc Đ không đến tòa để xác nhận số tiền vay và ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập các chứng cứ để trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Đ trong giấy vay nợ.

Tại kết luận giám định số 95/KL-KTHS ngày 28/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận:

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc Đ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết, ký ra.

Hội đồng xét xử nhận định: Việc Ông Trần Ngọc Đ có vay của vợ chồng Bà Phan Thị Minh V và Ông Nguyễn D số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) là có thật. Thời điểm vay từ ngày 07/7/2019 nhưng không ấn định ngày trả nợ. Theo nguyên đơn bà V khai ông Đ có trả lãi theo thỏa thuận được 04 tháng, 03 tháng đầu là 03% và 01 tháng sau là 01% sau đó thì ông Đ không trả tiền lãi và gốc đã vay. Bà V khai đã nhiều lần đòi lại khoản tiền cho ông Đ vay nhưng ông Đ vẫn không trả cho vợ chồng bà.

Xác định việc giấy vay không có thỏa thuận thời điểm trả nợ nên hợp đồng vay không có kỳ hạn, không có thỏa thuận lãi. Bà V đã nhiều lần báo cho ông Đ về việc đòi lại tài sản nhưng ông Đ không trả nợ gốc và lãi. Do vậy, bà V được quyền đòi lại tài sản cho vay đối với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Nay bà V ông D yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc cho vợ chồng ông bà là đúng nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc Ông Trần Ngọc Đ phải trả cho vợ chồng Bà Phan Thị Minh V và Ông Nguyễn D số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn Bà Phan Thị Minh V và người liên quan Ông Nguyễn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chi phí giám định số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ông Trần Ngọc Đ phải chịu số tiền chi phí giám định. Bà V đã nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) buộc ông Đ phải hoàn trả lại số tiền giám định cho bà V, ông D.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Trần Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho số tiền nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại các Điều 144; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006120 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 160; khoản 1 Điều 161; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phan Thị Minh V. Buộc Ông Trần Ngọc Đ phải trả cho vợ chồng Bà Phan Thị Minh V Ông Nguyễn D số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Bà Phan Thị Minh V Ông Nguyễn D không yêu cầu tính lãi nên không xét.

2. Về chi phí giám định số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) Ông Trần Ngọc Đ phải chịu. Buộc Ông Trần Ngọc Đ phải hoàn trả lại cho Bà Phan Thị Minh V và Ông Nguyễn D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ông Trần Ngọc Đ phải chịu số tiền là: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)

Hoàn lại cho Bà Phan Thị Minh V số tiền tạm ứng án phí 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006120 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành